

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TĐC23B
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Đo lường điện(2)	Kỹ thuật lắp đặt điện(5)	Thiết bị điện gia dụng(3)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2355202274663	Nguyễn Quốc	Bình	28/06/2008	6.9	0.0	3.2	6.8	6.8	6.8	5.3	6.3	Trung bình
02	2355202274665	Huỳnh Văn	Chiến	26/03/2008	8.7	8.2	7.3	7.0	7.2	7.1	8.2	7.3	Khá
03	2355202274666	Lê Văn	Dũng	01/01/1974	7.5	7.9	7.7	8.8	8.9	8.0	6.0	8.1	Giỏi
04	2355202274667	Lư Thế	Duy	26/03/2008	8.7	9.8	7.5	7.6	7.8	7.6	7.7	7.7	Khá
05	2355202274668	Khương Bảo	Đăng	19/03/2008	7.5	8.2	6.6	7.1	7.0	7.1	4.9	6.7	Trung bình
06	2355202274669	Cao Phúc	Điền	28/06/2008	8.1	9.6	6.1	7.1	7.7	7.2	6.9	7.2	Khá
07	2355202274670	Trần Tuấn	Giàu	01/06/2008	7.9	0.0	0.0	2.6	2.6	2.8	0.0	2.0	Yếu
08	2355202274671	Nguyễn Phú	Hào	02/03/2008	7.7	8.8	7.1	6.8	6.9	6.9	7.1	6.9	Trung bình
09	2355202274672	Trần Gia	Hào	11/07/2008	7.5	2.6	0.0	6.8	7.3	7.0	0.0	5.5	Trung bình
10	2355202274673	Huỳnh Trung	Hậu	13/06/2008	7.5	9.3	8.0	7.4	7.3	7.5	8.6	7.6	Khá
11	2355202274674	Trương Thành	Hậu	23/01/2008	8.3	8.0	6.4	7.5	7.4	7.5	7.4	7.4	Khá
12	2355202274675	Võ Văn	Hậu	10/05/2008	7.5	9.7	7.4	6.9	7.0	7.1	7.4	7.1	Khá
13	2355202274676	Trần Ngọc	Kha	28/08/2008	8.6	9.3	6.1	7.4	7.8	7.5	6.4	7.3	Khá
14	2355202274677	Trần Quốc	Khánh	21/10/2008	8.1	9.4	5.9	6.9	7.2	7.0	7.1	7.0	Khá
15	2355202274679	Hồ Anh	Kiệt	17/04/2008	7.5	9.2	8.0	7.2	7.4	7.4	6.2	7.2	Khá
16	2355202274680	Võ Quốc	Kiệt	13/02/2008	8.1	9.7	7.3	7.5	7.8	7.6	7.5	7.6	Khá
17	2355202274681	Nguyễn Thành	Nhân	04/09/2008	7.2	9.8	7.9	7.2	7.3	7.4	5.9	7.1	Khá
18	2355202274682	Lê Tấn	Phong	08/12/2008	8.7	8.6	7.4	7.9	7.4	7.6	6.6	7.4	Khá
19	2355202274683	Nguyễn Kỳ	Phong	03/02/2008	8.7	9.0	5.9	7.9	8.0	7.6	8.6	7.8	Khá
20	2355202274684	Trương Văn	Phú	29/10/2008	8.6	7.2	6.8	7.4	7.5	7.4	8.4	7.5	Khá
21	2355202274685	Huỳnh Bảo	Phúc	25/05/2008	8.1	8.9	6.8	8.0	8.1	8.0	7.7	7.9	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Đo lường điện(2)	Kỹ thuật lắp đặt điện(5)	Thiết bị điện gia dụng(3)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2355202274687	Trương Hoàng	Phúc	11/10/2008	6.5	9.2	7.0	7.9	7.7	7.9	7.3	7.7	Khá
23	2355202274688	Trần Văn	Quý	27/01/2008	7.0	8.8	6.8	7.4	7.4	7.6	6.3	7.2	Khá
24	2355202274689	Trần Bảo	Sang	11/01/2008	0.0	0.0	7.4	7.1	7.0	7.0	7.5	7.1	Khá
25	2355202274691	Nguyễn	Thiện	29/11/2008	7.6	0.0	0.0	6.9	7.4	7.0	0.0	5.5	Trung bình
26	2355202274692	Nguyễn Phúc	Thịnh	29/04/2008	7.7	0.0	2.0	2.6	2.5	2.7	2.3	2.5	Yếu
27	2355202274693	Nguyễn Trung	Tín	21/10/2008	7.7	0.0	5.4	6.9	6.9	7.0	4.2	6.4	Trung bình
28	2355202274694	Nguyễn Hoàng	Trân	29/03/2008	6.9	9.8	7.2	7.9	7.8	7.9	7.0	7.7	Khá
29	2355202274695	Huỳnh Văn Thanh	Tuấn	21/01/2008	7.1	9.1	7.4	7.4	7.3	7.0	7.9	7.3	Khá
30	2355202274696	Phan Hữu	Tường	02/02/2008	7.5	9.2	5.9	7.8	7.5	7.6	6.6	7.3	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 16 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái